

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/02/2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

*- Ông **Bành Quốc Trung***

*- Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị An Thư** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Thanh** - Kiểm sát viên;*

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T xin vắng mặt; ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:*

Bà Ngô Thị T và ông Phạm Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2011, tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới, vợ chồng sống không hạnh phúc do ông H không lo làm ăn, mê chơi cờ bạc. Bà T khuyên can thì vợ chồng cãi nhau và bà T thường bị ông H đánh. Do con còn nhỏ nên bà T cố chịu đựng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài, không khắc phục được. Nay con đã lớn, bà T không chịu đựng được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Phạm Văn P, sinh ngày 24/8/2008 và Phạm Bảo Ngọc Y, sinh ngày 19/4/2012. Hiện 02 con đang sống với bà T. Ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Văn H hợp lệ. Nhưng ông H không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà T.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ từ sau khi cưới do ông H mê chơi cờ bạc, không lo làm ăn và thường đánh bà T. Bà T cho rằng không còn tình cảm với ông H. Ông H không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Xét thấy, thời gian bà T và ông H sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi con. Do đó, đề nghị giao 02 con chung tên Phạm Văn P, Phạm Bảo Ngọc Y cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng mới là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Thi T và ông Phạm Văn H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thi T có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông H.

Xét về tình cảm: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T là cô ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của ông bà cho bà T quyết định. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không trao đổi để hàn gắn tình cảm dẫn đến tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T trình bày 02 con tên Phạm Văn P và Phạm Bảo Ngọc Y đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, ông H không đến Tòa án trình bày ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, thời gian vợ chồng sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi con. Để các con ông bà có cuộc sống ổn định, cần tiếp tục giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại pháp luật. Ông H không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2013;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T.
- Bà Ngô Thị T được ly hôn với và ông Phạm Văn H.

2/ Về con chung:

- Giao bà Ngô Thị T tiếp tục nuôi 02 con tên Phạm Văn P, sinh ngày 24/8/2008 và Phạm Bảo Ngọc Y, sinh ngày 19/4/2012.
- Bà Ngô Thị T không yêu cầu ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Bà Ngô Thi T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019102 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án thị xã Gò Công. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ Phiên Toà

Nơi nhận:

- VKSND TX. Gò Công;
- Chi cục THA DS TX. Gò Công;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

